TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 337/2018/TLST-HNGĐ 05/4/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ninh Thị T, sinh năm 1985; thường trú: Số 420/21 (số cũ 22/39) đường P, khu phố B1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số 521/50/37 khu phố B4, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn L, sinh năm 1985; thường trú: Số 420/21 (số cũ 22/39) đường P, khu phố B1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số 521/50/37 khu phố B4, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ninh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 năm, chị Ninh Thị T và anh Trương Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh B vào ngày 28/10/2009, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/09, quyển số 06. Sau khi kết hôn, chị T và anh L sống tại phường A, thị xã D, tỉnh B cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến

khoảng đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2016 đến nay, tuy vẫn sống chung nhà nhưng chị T và anh L mạnh ai nấy sống, không ăn chung, không ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Qúa trình sống chung, vợ chồng có 01 con chung tên Trương Ngọc M, sinh ngày 18/01/2012. Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 08/5/2018, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng, cụ thể chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn L đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh L không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 13/6/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 30/7/2018 và ngày 16/8/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị T và anh Trương Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh B vào ngày 28/10/2009, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/09, quyển số 06, là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2016 đến nay, tuy vẫn sống chung nhà nhưng chị T và anh L mạnh ai nấy sống, không ăn chung, không ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không

quan tâm chăm sóc nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh L đến làm việc và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không đến Tòa án, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị T và anh L thực sự không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc M, sinh ngày 18/01/2012, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác cháu M là bé gái và hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ninh Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị T đối với anh Trương Văn L về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị T được ly hôn với anh Trương Văn L.

- Về con chung: Buộc anh Trương Văn L giao cháu Trương Ngọc M, sinh ngày 18/01/2012 cho chị Ninh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ninh Thị Th không yêu cầu anh Trương Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị T và anh L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Ninh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019132, ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường A, thị xã D, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên